

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **120/2022/DS-ST**
Ngày 28/9/2022
“Về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Bốn.
2. Bà Dương Thị Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2022/TLST-DS, ngày 13/4/2022 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST-DS, ngày 25/8/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2022/QĐST-DS ngày 09/9/2022, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Ngân hàng N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Số 2, đường Láng Hạ, phường Thành C, quận B, thành phố Hà Nội.

Chi nhánh thực hiện việc khởi kiện: Ngân hàng N – Chi nhánh huyện H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Văn H – Chức vụ: Giám đốc.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn M – Chức vụ: Phó giám đốc; ông Nguyễn Xuân H – Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh.

Địa chỉ Chi nhánh: Tổ dân phố Tân Bắc, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

** Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn Tân Thành, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Quang T, sinh năm 2001; Địa chỉ: Thôn Tân Thành, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, Ngân hàng N trình bày về yêu cầu khởi kiện như sau: Năm 2020 Ngân hàng N – Chi nhánh huyện H, Phòng giao dịch Thái Hoà có ký kết Hợp đồng tín dụng số 8103LAV202001166 ngày 01/04/2020 với ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn Tân Thành, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Nội dung ký kết thể hiện cụ thể trong hợp đồng như sau: Số tiền vay 60.000.000 đồng; mục đích vay vốn để mua sắm vật dụng sinh hoạt; thời hạn cho vay 12 tháng; hạn trả tiền vay 01/4/2021; lãi suất tiền vay là 10,5%/năm; lãi suất chậm trả bằng 10%/năm; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn; biện pháp bảo đảm cho khoản vay: Cho vay không có tài sản bảo đảm theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính Phủ. Quá trình thực hiện Hợp đồng ông Nguyễn Văn A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết giữa 02 bên, cụ thể: Đến hạn trả nợ của khoản vay ngày 01/4/2021, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc ông A trả tiền nhưng ông A không trả. Tính đến thời điểm khởi kiện dư nợ gốc của khoản vay còn 60.000.000 đồng và nợ lãi là 8.231.424 đồng.

Đến ngày xét xử 28 tháng 9 năm 2022, ông Nguyễn Văn A còn nợ Ngân hàng N – Chi nhánh huyện H tổng số tiền 72.767.424đ (*Bảy mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn bốn trăm hai mươi bốn đồng*); trong đó: Dư nợ gốc là 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*); nợ lãi trong hạn 8.436.822 đ (*Tám triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm hai mươi hai đồng*); nợ lãi quá hạn tạm tính 4.330.602đ (*Bốn triệu ba trăm ba mươi nghìn sáu trăm linh hai đồng*). Ngân hàng N đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn A phải thanh toán nợ cho Ngân hàng theo đúng hợp đồng ký kết giữa hai bên, số tiền dư nợ cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 28 tháng 9 năm 2022 là 72.767.424đ (*Bảy mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn bốn trăm hai mươi bốn đồng*); buộc ông Nguyễn Văn A tiếp tục phải trả lãi phát sinh theo mức thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 8103LAV202001166 ngày 01/04/2020 cho đến ngày thực tế ông A trả hết nợ gốc cho Ngân hàng; nếu sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà ông A không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu của ông A để thu hồi nợ.

Quá trình Tòa án nhân dân huyện H giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn A và anh Nguyễn Quang T không đến Tòa án để làm việc. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, kết quả xác minh thể hiện ông A hiện nay đi làm ăn xa, không rõ cụ thể đi làm ở đâu, anh T đang đi học đại học, cả ông A và anh T thỉnh thoảng mới về. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định. Các tài liệu trong hồ sơ vay vốn thể hiện có xác nhận, chứng thực của chính quyền địa phương nơi ông A và anh T cư trú là UBND xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện không đúng các quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 466, 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, buộc ông Nguyễn Văn A phải trả cho Ngân hàng N số tiền 72.767.424đ (*Bảy mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn bốn trăm hai mươi bốn đồng*); trong đó: Dư nợ gốc là 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*); nợ lãi trong hạn 8.436.822 đ (*Tám triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm hai mươi hai đồng*); nợ lãi quá hạn tạm tính 4.330.602đ (*Bốn triệu ba trăm ba mươi nghìn sáu trăm linh hai đồng*). Đồng thời, buộc ông Nguyễn Văn A tiếp tục phải trả lãi phát sinh theo mức thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 8103LAV202001166 ngày 01/04/2020 cho đến ngày thực tế ông A trả hết nợ gốc cho Ngân hàng; không xem xét yêu cầu về xử lý tài sản nếu ông A không trả được nợ, do yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan thi hành án dân sự; ông Nguyễn Văn A phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với khoản tiền phải trả tại thời điểm xét xử; Ngân hàng N không phải nộp án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp khi thụ lý vụ án. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu và nơi cư trú trên địa bàn huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Hợp đồng tín dụng ký kết giữa các đương sự là hợp đồng tín dụng, vay vốn để phục vụ nhu cầu mua sắm tài sản gia đình, giữa Ngân hàng N và ông Nguyễn Văn A. Nên xác định đây là giao dịch dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đánh giá tài liệu, chứng cứ:

Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng tín dụng số 8103LAV202001166 ngày 01/04/2020. Bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 60.000.000 đồng; mục đích vay vốn để mua sắm vật dụng sinh hoạt; thời hạn cho vay 12 tháng; hạn trả tiền vay 01/4/2021; lãi suất tiền vay là 10,5%/năm; lãi suất chậm trả bằng 10%/năm; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn; biện pháp bảo đảm cho khoản vay:

Cho vay không có tài sản bảo đảm theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính Phủ. Các giấy tờ pháp lý trong hồ sơ tín dụng có xác nhận, chứng thực của UBND xã T, huyện H. Tính đến ngày xét xử, ngày 28 tháng 9 năm 2022 bị đơn còn nợ tổng số tiền 72.767.424đ (*Bảy mươi hai triệu, bảy trăm sáu mươi bảy nghìn bốn trăm hai mươi bốn đồng*); trong đó: Dư nợ gốc là 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*); nợ lãi trong hạn 8.436.822đ (*Tám triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm hai mươi hai đồng*); nợ lãi quá hạn tạm tính 4.330.602đ (*Bốn triệu ba trăm ba mươi nghìn sáu trăm linh hai đồng*). Trong hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên có thỏa thuận rất cụ thể về các nội dung bao gồm cả nội dung lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn khi không thanh toán đúng hạn. Các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, không vi phạm điều cấm.

Quá trình giải quyết bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, kết quả xác minh tại địa phương, thể hiện ông A hiện đi làm ăn xa, anh T đi học đại học ở Hà Nội, thỉnh thoảng có về; quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông A đều nhận được thông tin do Trưởng thôn Tân Thành thông báo với em gái ruột của ông A. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định. Do vậy, việc ông A, anh T vắng mặt thể hiện ý thức cố ý trốn tránh, Tòa án giải quyết vụ án theo trường hợp vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vì đương sự cố ý trốn tránh nghĩa vụ. Việc ông A, anh T không đến Tòa án làm việc là do ý thức chủ quan của đương sự, không tự bảo vệ quyền của mình và không thực hiện nghĩa vụ theo quy định.

Từ những nhận định đã nêu ở trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ bao gồm cả tiền gốc, tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn tạm tính đến ngày 28 tháng 9 năm 2022, tổng số tiền là 72.767.424đ (*Bảy mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn bốn trăm hai mươi bốn đồng*). Buộc ông Nguyễn Văn A tiếp tục phải trả lãi phát sinh theo mức thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 8103LAV202001166 ngày 01/04/2020 cho đến ngày thực tế ông A trả hết nợ gốc cho Ngân hàng.

Đối với yêu cầu về việc sau khi có bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật nguyên đơn có quyền yêu cầu thi hành án và đề nghị xử lý tài sản của bị đơn để thanh toán cho khoản vay. Đây là các nội dung không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án mà thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan khác được quy định cụ thể trong các quy định của pháp luật về thi hành án dân sự. Nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết các yêu cầu này của nguyên đơn.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, anh Nguyễn Quang T, do hợp đồng tín dụng được ký kết trực tiếp giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Văn A, Ngân hàng xác định ông Nguyễn Văn A là khách hàng vay vốn trực tiếp và người bị

khởi kiện là ông Nguyễn Văn A. Nên Hội đồng xét xử chỉ xác định trách nhiệm trả nợ của ông A mà không có nghĩa vụ liên đới của anh T.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Văn A phải chịu toàn bộ án phí dân sự có giá ngạch của vụ án.

Ngân hàng N không phải nộp án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 280, 466, 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N (đơn vị được ủy quyền Ngân hàng N – Chi nhánh huyện H). Buộc ông Nguyễn Văn A có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N tổng số tiền 72.767.424đ (*Bảy mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn bốn trăm hai mươi bốn đồng*); trong đó: Dư nợ gốc là 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*); nợ lãi trong hạn 8.436.822 đ (*Tám triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm hai mươi hai đồng*); nợ lãi quá hạn tạm tính 4.330.602đ (*Bốn triệu ba trăm ba mươi nghìn sáu trăm linh hai đồng*).

(*Ông Nguyễn Văn A tiếp tục phải trả lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn cho Ngân hàng N (đơn vị được ủy quyền là Ngân hàng N – Chi nhánh huyện H) cho đến ngày thực tế thanh toán xong số tiền gốc và tiền lãi suất theo quy định. Nếu ông A chậm trả thì tiếp tục chịu lãi suất theo thỏa thuận lãi suất của Hợp đồng tín dụng số 8103LAV202001166 ngày 01/04/2020.*)

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn A phải nộp 3.638.371đ (*Ba triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn ba trăm bảy mươi một đồng*) tiền án phí dân sự có giá ngạch.

Ngân hàng N (đơn vị được ủy quyền Ngân hàng N – Chi nhánh huyện H) không phải nộp án phí. Trả lại cho Ngân hàng N (đơn vị được ủy quyền Ngân hàng N – Chi nhánh huyện H) số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.705.785đ (*Một triệu bảy trăm linh năm nghìn bảy trăm tám mươi lăm đồng*), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004728, ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi

nghĩa vụ liên quan, vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Văn Bốn – Dương Thị Ninh

Lương Thanh Huyền

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND h.Hàm Yên;
- THADS H.Hàm Yên;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lương Thanh Huyền

